

## Nội dung chính

### **Diễn biến thị trường chứng khoán**

- Thị trường trong khu vực
- Thị trường trong nước
- Biến động ngành
- Giá trị giao dịch ròng của NĐT nước ngoài

# Diễn biến thị trường chứng khoán

| Chỉ số             | Quốc gia   | Biến động trong 1 ngày (%) | Biến động trong 1 tuần (%) | Biến động trong 1 tháng (%) | P/E   | P/B  |
|--------------------|------------|----------------------------|----------------------------|-----------------------------|-------|------|
| Dow Jones          | Mỹ         | -1.3%                      | -0.1%                      | 6.5%                        | 20.26 | 3.91 |
| FTSE 100           | Anh        | -1.2%                      | -2.5%                      | -0.4%                       | 22.14 | 1.46 |
| DAX                | Đức        | -1.7%                      | -0.3%                      | 6.5%                        | 24.87 | 1.55 |
| CAC40              | Pháp       | -1.5%                      | -2.2%                      | 1.0%                        | 19.97 | 1.45 |
| Nikkei 225         | Nhật       | 0.0%                       | 0.2%                       | 1.1%                        | 27.78 | 1.77 |
| Kospi              | Hàn Quốc   | -0.7%                      | 0.0%                       | 3.1%                        | 26.39 | 0.88 |
| Shanghai composite | Trung Quốc | -3.9%                      | -0.5%                      | 7.3%                        | 16.02 | 1.54 |
| Psei Index         | Phiipine   | -0.4%                      | -1.4%                      | -3.0%                       | 14.18 | 1.50 |
| SET Index          | Thái Lan   | -1.2%                      | -1.2%                      | 1.0%                        | 19.13 | 1.50 |
| STI Index          | Singapore  | -1.3%                      | -1.5%                      | -1.0%                       | 10.56 | 0.89 |
| VN Index           | Việt Nam   | -3.2%                      | -4.9%                      | -2.7%                       | 13.69 | 1.84 |
| PVN Index          |            | -3.9%                      | -4.8%                      | -5.7%                       |       |      |

# Diễn biến thị trường chứng khoán

| Ngành              | Biến động trong 1 ngày (%) | Biến động trong 1 tuần (%) | Biến động trong 1 tháng (%) |
|--------------------|----------------------------|----------------------------|-----------------------------|
| Vật liệu cơ bản    | -2.2%                      | -3.6%                      | -3.8%                       |
| Hàng hóa tiêu dùng | -3.3%                      | -5.4%                      | -1.3%                       |
| Dịch vụ tiêu dùng  | -3.5%                      | -2.7%                      | -1.4%                       |
| Tài chính          | -3.2%                      | -5.1%                      | -3.3%                       |
| Y tế               | -1.2%                      | -1.8%                      | -0.8%                       |
| Công nghiệp        | -3.2%                      | -4.2%                      | -2.7%                       |
| Dầu khí            | -3.3%                      | -4.9%                      | -3.8%                       |
| Công nghệ          | -4.1%                      | -5.2%                      | -8.0%                       |
| Thông tin          | -3.9%                      | -4.6%                      | -2.0%                       |
| Năng lượng         | -2.3%                      | -4.0%                      | -3.7%                       |

# Diễn biến thị trường

